

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC THÁNG 09 – KHỐI LÁ
NĂM HỌC: 2024 – 2025

I-CHỦ ĐỀ

- Trường mầm non của bé: Đặc điểm nổi bật của trường lớp, công việc của các cô bác trong trường.
- Lớp học của bé: Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng đồ chơi.
- Lễ hội Trung thu.

II-SINH HOẠT

1. Phát triển thể chất:

- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay: uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay; gấp mở lần lượt các ngón tay,...
- Bỏ, nắm
- Lắp ráp.
- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số
- Tô, đồ theo nét.
- Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây (2-5).
- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe: mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn;
- Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. Tự thay quần áo khi bị ướt bẩn và để vào nơi quy định (5-18).
- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch.
- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn (5-15)
- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm: bàn ủi nóng, bếp điện, phích nước nóng và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc nhọn (6-21).

2. Phát triển nhận thức:

- Chức năng thay thế: có thể dùng đồ dùng, đồ vật này vào việc khác, khám phá khả năng tái dụng đồ vật,...
- Bảo quản: sử dụng đúng cách, cất, sắp, xếp và giữ gìn cẩn thận.

- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.
- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu (chất liệu và công dụng) **(21-96)**.
- Vật chất: Vật chìm-nổi.
- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.
- Đếm vệt (theo khả năng).
- Nhận biết số lượng trong phạm vi 10. Số lượng không phụ thuộc vào vị trí và kích thước.
- Đặc điểm sở thích của các bạn, các hoạt động trong trường, các khu vực tương ứng trong trường-lớp, định hướng vị trí, cách giao thông trong trường.
- Các HĐ trong sân trường các khu vực tương ứng trong trường-lớp, định hướng vị trí, cách giao thông trong trường.
- Tên trường, lớp, cô giáo, các bạn.
- Công việc của cô, các nhân viên làm gì để giảm nhẹ công việc cho cô.
- Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.

3. Phát triển ngôn ngữ:

- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. **(14-64)**
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn
- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ câu đố hò vè phù hợp với độ tuổi.
- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống **(16-77)**
- Không nói tục, chửi bậy **(16-78)**
- Tập tô, tập đồ các nét chữ
- Tư thế đọc-viết: ngồi, cầm bút.
- Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái **(19-88)**

4. Phát triển tình cảm-xã hội:

- Có ý thức và kỹ năng tự phục vụ: Vệ sinh cá nhân, tự thay quần áo, xếp quần áo, giày dép, xúc ăn, tự bỏ chén, muỗng, ly sau khi ăn vào xô theo từng loại, dọn dẹp đồ chơi cất đúng chỗ.
- Biết chơi 1 số trò chơi dân gian, nghe bài hát dân ca, đọc đồng dao, thích tham dự lễ hội - sự kiện, tết, trung thu, ngày nhà giáo Việt Nam 20-11, giáng sinh.

- Biết giữ gìn đồ dùng chung: sách, đồ dùng, đồ chơi.
- Có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn **(12-54)**
- Giữ gìn vệ sinh môi trường

4. Phát triển thẩm mỹ:

- Thể hiện cảm xúc và vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) **(22-101)**
- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc theo bài hát, bản nhạc.
- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát trẻ em **(22-100)**
- Hát diễn cảm, tự nhiên rõ lời phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ,...
- Tập cầm kéo cắt trên giấy, cắt dọc
- Dán: phết, chấm hồ, dán vào hình nền có sẵn, ước lượng vị trí dán, chọn hình có sẵn để dán thành hình mới.
- Đặt hình đã nặn vững trên kệ
- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc, kích thước, hình dáng/đường nét hài hoà, bố cục cân đối.
- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.
- Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình **(28-118)**

III-GIỜ HỌC

1. Phát triển thể chất:

*** Đi và chạy:**

- Đi trên dây (dây đặt trên sàn)
- Đi nôi bàn chân tiến, lùi.
- Trèo lên, xuống 7 giống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất **(1-4)**

*** Bật - nhảy:**

- Bật liên tục vào vòng.

2. Phát triển nhận thức:

- Nhận biết các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10 **(23-104)**
- Tách 1 nhóm đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm **(23-105)**
- Gộp các nhóm đối tượng và đếm.
- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường.

3. Phát triển ngôn ngữ:

- Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. **(14-64):**

+ Gà Tơ đi học.

+ Mèo con đánh răng.

4. Phát triển thẩm mỹ:

- Thể hiện cảm xúc và vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) **(22-101)**

- Hát diễn cảm, tự nhiên rõ lời phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ,...

- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.

- Xé: xé vụn

- Gấp giấy theo cách đơn giản: gấp đôi

- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp

IV-HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI

1. Phát triển nhận thức:

- Bảo quản: sử dụng đúng cách, cất, sắp, xếp và giữ gìn cẩn thận.